

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HS-ST

Ngày: 25/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông ông Nguyễn Duy Phú và ông Hoàng Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang – Thư ký Tòa án huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Dẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Th, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1990, tại phường Quảng Ph, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố , phường Quảng Ph, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hoá: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm Xuân Th và bà Nguyễn Thị X, vợ Phạm Thị Th, có một người con, sinh năm 2012; tiền sự, tiền án: không; về nhân thân: năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử phạt 5 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 28/5/2019 bị Công an huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thanh H, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1991, tại phường Quảng Ph, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố , phường Quảng Ph, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn

hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị H, vợ Nguyễn Thị H, có hai người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền sự: không; có 01 tiền án: năm 2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 6 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST, ngày 07/02/2018; về nhân thân: ngày 28/5/2019 bị Công an huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” và bắt tạm giam kể từ ngày 28/5/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Th:*

Ông Lê Thanh H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Bị hại:*

Anh Nguyễn N, sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: thôn Xuân H, xã Văn H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ cư trú: thôn Xuân H, xã Văn H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: TDP , phường Quảng Ph, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 40 phút, ngày 01/5/2019 Phạm Văn Th gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh H rủ nhau lên xã Văn H, huyện Tuyên H để chơi, Hải đồng ý. Sau đó H mượn xe mô tô BKS 73K1- 027.02 của anh Nguyễn Văn Q, trú tại phường Quảng Ph, H điều khiển xe chở Thành chạy theo Quốc lộ 12A, theo hướng Ba Đ lên Tuyên H, khi lên địa phận thôn Ngọa C, xã Cảnh H thì nhìn thấy một chiếc xe mô tô loại Yamaha hiệu Sirius, màu sơn đỏ đen BKS 73E1-234.19 của anh Nguyễn N, trú tại thôn Xuân H, xã Văn H, huyện Tuyên H đang dừng ngoài đường trước tiệm may áo quần của chị Nguyễn Thị Ánh T. Quan sát xung quanh không có ai nên Th đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Th nói với H “ Sau có ai không quay lại tao lấy chiếc xe về đi mần”, H đồng ý quay xe của mình chạy qua chiếc xe đang dừng khoảng 20m rồi dừng lại quan sát và cảnh giới còn Phạm Văn Th đi bộ đến vị trí xe, nhìn xung quanh không có ai nên Th đã dẫn bộ xe đi theo chiều hướng lên Tuyên H, rồi dẫn về góc hẻm ít người qua lại, Thành đã bẻ mang xe, mở khóa điện rồi đấu nối dây điện, sau đó đạp xe nổ máy, Th bắt đầu điều khiển xe vừa lấy trộm được đi theo hướng Cảnh H - Ba Đ.

Thấy vậy, H cũng điều khiển xe chạy theo Th. Khi Hải về đến thôn Phù N, xã Quảng Th thì lấy điện thoại ra gọi cho Th “mi về đến mô rồi” Th trả lời tao chạy về đến cầu Quảng H rồi để tao chạy về nhà” thì H nói “xe ni mi lấy gần rứa không đi được mô, Công an bắt chết”. Th nói “mi về cầu Quảng H chờ tao, tao gọi thằng ni coi mua không”. Th gọi cho H1 trao đổi về việc mua bán xe, Th nói với H1 “Tao có chiếc xe ni mi mua không”, H1 hỏi xe chi, bán mấy tiền, Th trả lời “xe Sirius bán khoảng 4.500.000 đồng” H1 nói “mi chạy qua cầu Quảng H rồi tao ra coi”. Th điều khiển xe vừa trộm được qua cầu Quảng H thì gặp H1 hai bên thỏa thuận giá mua, bán 4.000.000 đồng, khi H1 trả tiền, Th đưa lại cho H1 200.000 đồng, số tiền còn lại 3.800.000 đồng Th và H chia nhau mỗi người 1.900.000 đồng, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐ, ngày 20/06/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Quảng Trạch kết luận: Xe Yamaha hiệu Sirius, màu sơn đỏ đen BKS 73E1-234.19 đã qua sử dụng vào tháng 5/2019 là: 11.000.000 đồng.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Tang vật của vụ án là 01 chiếc xe mô tô Xe Yamaha hiệu Sirius, màu sơn đỏ đen BKS 73E1-234.19 Th khai đã bán cho một người thanh niên tên H1 không biết địa chỉ cụ thể chỉ biết ở xã Quảng H. Quá trình điều tra Cơ quan Điều tra đã xác minh nhưng không có người nào như Th đã khai, nên không thu giữ được tang vật vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn N và các bị cáo đã thống nhất liên đới bồi thường số tiền 11.000.000 đồng, bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, không khiếu nại gì về vấn đề dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSQT ngày 09 tháng 9 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố các bị cáo Phạm Văn Th và Nguyễn Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã phát biểu luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo, riêng bị cáo Nguyễn Thanh H đề nghị áp dụng thêm tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Xử phạt cả hai bị cáo Phạm Văn Th và Nguyễn Thanh H, mỗi bị cáo từ 18 – 24 tháng tù.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Th: Nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp

dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì bị cáo năm 2013 mặc dù đã bị xử phạt hình phạt tù, nhưng đã được xóa án tích, nên theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Theo đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 BLHS để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo là đối tượng thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn án phí cho bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Điều tra Công an huyện Quảng Trạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Như vậy hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo Phạm Văn Th và Nguyễn Thanh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản mà các bị cáo đã thực hiện vào ngày 01/5/2019. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại, các bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô của anh Nguyễn N để đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại là 11.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Như vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu

tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có gia đình, vợ, con, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật, nhưng lại không có ý thức tu dưỡng rèn luyện, không chịu khó lao động để tạo thu nhập hợp pháp. Để có tiền tiêu xài phục vụ cho nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác.

Vụ án có hai bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò từ trước, mà chỉ bột phát, khi có bị cáo phát hiện thấy tài sản thì nói với bị cáo khác và cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy tính chất đồng phạm chỉ mang tính giản đơn. Trong hai bị cáo thì bị cáo Th là người đã phát hiện thấy tài sản 01 chiếc xe máy và chủ động khởi xướng nói với bị cáo Hải về việc trộm cắp tài sản, đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp tiếp cận và thực hiện hành vi lấy trộm tài sản đưa đi tiêu thụ lấy tiền chia cho bị cáo H. Tại thời điểm phạm tội, mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự, tuy nhiên về nhân thân, năm 2013, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử phạt 5 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đối với vụ án này, bị cáo lại tiếp tục lên địa bàn huyện Tuyên Hóa trộm cắp tài sản và bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa khởi tố vụ án, khởi tố bị can vào ngày 28/5/2019. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh H, mặc dù chỉ đóng vai trò cảnh giới để bị cáo Thành lấy trộm tài sản, tuy nhiên cũng thể hiện vai trò tích cực, cùng với bị cáo Th ăn chia tiền từ việc bán tài sản trộm cắp được, bị cáo cũng đã cùng bị cáo Th thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa khởi tố vụ án, khởi tố bị can vào ngày 28/5/2019, tại thời điểm phạm tội bị cáo H đang có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, với mức hình phạt 6 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, nên bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xét luận cứ của người bào chữa thấy rằng: Bị cáo Th đóng vai trò vừa là người khởi xướng và cũng là người thực hành, bị cáo lại có nhân thân xấu. Tại thời điểm phạm tội mặc dù bị cáo Thành đã được xóa án tích, tuy nhiên, theo giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC, ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân tối cao, tại điểm 4, Mục I giải đáp: “phạm tội lần đầu là từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào.....”. Đối với tình tiết “phạm tội lần đầu” quy định tại Điều 2 Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chỉ hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện. Vì vậy xét ý kiến của người bào chữa đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 54 đối với bị cáo Th là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với ý kiến đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 và Điều 12 Nghị quyết 326 để giảm nhẹ một phần hình phạt và miễn án phí hình sự cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để các bị cáo cải tạo đồng thời bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, HĐXX có xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường đầy đủ cho người bị hại, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b,s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào vai trò tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của mỗi bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng cần quyết định mức hình phạt tương nhau đối với hai bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Xét sự thỏa thuận giữa những người bị hại và các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đã nhận lại đầy đủ tài sản. Cho đến tại phiên tòa, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

Liên quan trong vụ án có đối tượng tên H1 (Kute), trú tại xã Quảng H, thị xã Ba Đ là người mà bị cáo Th khai đã mua lại chiếc xe do bị cáo trộm cắp mang đến bán. Tuy nhiên quá trình xác minh không có đối tượng trên như bị cáo Th đã khai. Vì vậy Cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Đối với bị cáo Phạm Văn Th là đối tượng thuộc diện hộ nghèo nên cần áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội để miễn án phí hình sự cho bị cáo là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn Th** và **Nguyễn Thanh H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn Th** 18 (mười tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù, kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H** 18 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Không xem xét

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng cho bị cáo Phạm Văn Th.

Án xử sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/10/2019)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Tình

